

VỀ NHÓM TRUYỆN “VẬT LINH, ĐIỀM LẠ” TRONG TRUYỆN DÂN GIAN VỀ CHÚA NGUYỄN Ở VÙNG NAM BỘ

LÊ THỊ DIỆU HÀ

Truyện dân gian về chúa Nguyễn ở vùng Nam Bộ tập hợp được là những truyện về Nguyễn Ánh trong cuộc chiến với nhà Tây Sơn, gắn với hành trình “tàu quốc vào Nam”. Liên quan đến nguồn truyện, cũng thống nhất với một số ý kiến khác, nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh đã nhận xét: “Quả thật Nguyễn Ánh là ông vua để lại nhiều truyền thuyết nhất Nam Bộ, vì trong các vua chúa Việt Nam không có người nào mà vết chân in khắp vùng Nam Bộ như ông ta, đặc biệt là trong thời gian trốn lánh Tây Sơn trước 1788”⁽¹⁾.

Đây cũng là một hiện tượng văn học dân gian độc đáo của Nam Bộ, với những vấn đề nghiên cứu còn khá mới mẻ. Trong đó, nhóm truyện “vật linh, điềm lạ” là một trong những nhóm truyện tiêu biểu, tạo ấn tượng nổi bật, có ý nghĩa sâu sắc của hệ thống truyện.

1. Về tính chất dân gian của truyện kể xét trên nguồn tư liệu ghi chép truyện

1.1. Tư liệu ghi chép hệ thống truyện dân gian về chúa Nguyễn ở vùng Nam Bộ nói chung với quy mô và hình thức khác nhau được tập hợp tính từ nguồn ghi chép đầu tiên khoảng nửa đầu thế kỉ XIX. Đến

nay đã có các sách của Quốc sử quán triều Nguyễn, tư liệu biên khảo, địa phương chí, tư liệu sưu tập văn học dân gian, sưu tầm thực địa...

Đáng chú ý là sự có mặt của các bộ sách địa chí, sử biên niên triều Nguyễn với góc độ văn bản ghi chép truyện dân gian. Việc đưa truyện dân gian vào chính sử nói chung đã có tiền lệ, thời kì đầu, truyền thuyết đã được dùng như cứ liệu bổ khuyết cho lịch sử; ở các giai đoạn sau, các sử gia ít nhiều cũng đã sử dụng những truyện kể, chi tiết truyền tụng dân gian để khắc họa nhân vật lịch sử. Những mẫu truyện kể về Nguyễn Ánh được ghi chép trong các sách sử triều Nguyễn cũng nằm trong mô thức chung đó. Với những giá trị được xem là “kinh điển” của *Gia Định thành thông chí*, những bộ sử, địa chí của Quốc sử quán triều Nguyễn được biên soạn về sau như *Đại Nam thực lục* (*Quốc triều sử toát yếu* là hình thức lược biên, rút gọn *Thực lục*), *Đại Nam nhất thống chí* (phần *Lục tỉnh Nam Kỳ*) đều có phần dựa vào sách này. Cho nên, những đoạn kể về chúa Nguyễn, tuy các văn bản có chút ít sửa đổi nhưng về cơ bản là cùng một loại, không phải những nguồn tư liệu khác nhau.

1.2. Vấn đề đặt ra, đây là những truyện kể được các sử gia sáng tác hay có nguồn gốc dân gian? Nói chung, việc làm sử có yêu cầu về tính khách quan, tuy có thể có phần hạn chế của thời đại, nhưng về cơ bản, chính sử trước nay vẫn là những căn cứ xác thực, đáng tin cậy. Mặc dù là công cụ của triều đình để ghi lại chuyện các vua chúa, tư tưởng của sử gia là tôn xưng thiên tử nên có thể thêm bớt những câu chuyện tán tụng, nhưng lịch sử cũng có những chế định của nó. Do đó, việc người làm sử đương thời khi đưa vào các truyện kể về “Đức Thế tổ Cao Hoàng”, tức Nguyễn Ánh, lúc còn

“tiềm đề” ít nhiều phải có căn cứ từ trước, mà chất liệu hữu hiệu chính là những điều truyền tụng trong dân gian, bởi điều này cũng nằm trong cách thức biên soạn lịch sử của các sử gia trung đại. Mặt khác, những mẩu truyện kể về Nguyễn Ánh được ghi chép trong tư liệu sử còn có sự tương đồng với các văn bản trong tư liệu sưu tập và lời kể sưu tầm từ thực địa.

Về lai lịch và thực hư của các truyện kể, có thể xem xét qua một ví dụ cụ thể: tác giả Vương Hồng Sển trong *Tự vị tiếng Việt miền Nam* khi giải thích địa danh Rạch Chanh (Đàng Giang) đã nói đến “tích Nguyễn Ánh cõi sáu qua sông dữ”: “Ngày xưa chúa Nguyễn Ánh bị Tây Sơn rượt, túng quá cõi lưng trâu lội ngang qua khúc rạch này vẫn đầy cá sấu, nhưng may thoát khỏi bị sáu nuốt, đến đời mấy vua sau, đặt ra truyền thuyết nhờ sáu đưa qua sông dữ và đặt lò sứ Trung Hoa chế ra bộ chén trà vẽ tích *Bình kiểu như quán độ, sanh xuất tiêu chu lai*, hoặc kiểu *Ngư gia độ hoàng gia, Âm tinh ngộ đế tinh* để làm kỉ niệm, tích này lỗi năm 1787 và bộ chén lỗi đời Thiệu Trị 1840 - 1847”⁽²⁾.

Như vậy, “truyền thuyết” này được ra đời từ chỗ của vua chúa, nhưng quan trọng là câu chuyện đã lưu truyền ở nhiều địa phương Nam Bộ. Riêng bản kể *Cưỡi trâu qua sông bão giông thoát hiểm* có ở địa phương miền Trung, theo tác giả biên soạn là ghi theo lời kể của cụ Lê Thảo, cụ đã nghe kể trong thời gian làm thủy thủ thời Pháp thuộc⁽³⁾, cho thấy sự lan truyền của truyện kể ở phạm vi rộng. Ngoài ra, tác giả bộ sách *Sưu khảo về các Tỉnh, Thành Nam Bộ xưa (Sưu khảo)* (xuất bản từ năm 1966 đến 1973) cũng đã nêu cảm nghĩ về các truyện ghi chép được: “Các sử gia nhà Nguyễn đã theo dõi sự linh thiêng của cá ông khi đề cập việc Nguyễn Ánh bôn tẩu

ngoài biển trong thời kì bị quân Tây Sơn truy đuổi” (Huỳnh Minh (2001), *Gò Công xưa*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội).

Ở đây, dù nguồn gốc có thể xuất phát từ ý đồ của chúa tô nhà Nguyễn, nhưng một khi đã được dân chúng lưu giữ, truyền tụng, tức có đời sống thì các truyện kể đã trở thành sáng tác dân gian, bởi tuy có thể không phải là cá nhân sáng tạo đầu tiên nhưng những cá nhân “đồng sáng tạo” trong quá trình lưu truyền đích thực là dân chúng. Nhiều cứ liệu cho thấy, các truyện kể được sáng tác và lưu truyền ngay trong cuộc chiến của nhà Nguyễn với Tây Sơn (là những “căn cứ” cho việc ghi chép của các sách địa chí, sử).

Nam Kỳ phong tục như vật điển ca, sách đầu thế kỉ XX⁽⁴⁾, với tính chất điển ca lịch sử địa phương, đã ghi lại dấu ấn truyện kể ở vùng đất Hà Tiên:

*Nhớ thuở Cao hoàng hưng đế nghiệp,
Bây xa cứu giá giữa dòng xanh.*

Tác giả Huỳnh Minh cũng ghi xuất xứ truyện được lưu hành: “Câu chuyện nhà vua và đàn cá sấu mà chúng tôi sưu tầm trong quyển địa phương chí của người Pháp ghi chép khá đầy đủ những giai thoại ở miền Nam” (*Bạc Liêu xưa*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2002). Ngoài ra, tác giả Vương Hồng Sển tìm thấy trong tư liệu tiếng Pháp *Excursions et Reconnaissances* (tháng 6/1885, tr. 178) ghi truyện một loài cá nhỏ cứu Nguyễn Ánh thoát nạn⁽⁵⁾. Đây là những tư liệu có giá trị thực tế, cũng cố thêm tính chất dân gian của truyện về Nguyễn Ánh ở vùng Nam Bộ đã được lưu hành đến giai đoạn cuối thế kỉ XIX. Còn theo tác giả Trương Thanh Hùng, người dân ở vùng Hà Tiên, Phú Quốc lâu nay đã lưu truyền những truyện về Nguyễn Ánh, phổ biến nhất vào khoảng nửa cuối thế kỉ XX⁽⁶⁾.

2. Đặc điểm cấu trúc và ý nghĩa nhóm truyện

2.1. Truyện về Nguyễn Ánh được ghi chép trong các sách địa chí, lịch sử triều Nguyễn đều thuộc *nhóm truyện “vật linh, điềm lạ”*. Gộp chung lại, gồm một số đơn vị truyện, cốt kể, có các yếu tố của văn bản truyện dân gian như lời mở đầu, có tình tiết hay môtip có thể phát triển thành cốt truyện hoàn chỉnh và nhiều bản kể đã được chép trong các tư liệu sưu khảo, sưu tập truyện dân gian về sau.

Đây là những truyện kể về sự thoát hiểm kì lạ của Nguyễn Ánh khi bị quân Tây Sơn truy đuổi, với những tình huống nguy cấp và sự cứu giúp bằng những điều thần kì.

2.2. Về cấu trúc, nhìn chung cốt truyện được tổ chức với mẫu đề cơ bản là *vật linh, điềm lạ trợ giúp*, bao gồm các tình tiết chính (và những biến đổi có tính chất dị bản) thường mang ý nghĩa những môtip của cốt truyện.

a. Tình tiết đầu của truyện kể là bối cảnh giao tranh với Tây Sơn với những tình huống nguy cấp nhân vật trải qua, tạo môtip mở đầu đặc trưng của nhóm truyện:

-“Lúc Nguyễn Ánh trốn chạy vào đất miền Nam phải cùng đoàn tùy tùng vượt biển vào đây” (*Gành Rái với bảy rái thần và chuyện vua Gia Long*);

-“Chúa Nguyễn thất thế bị quân Tây Sơn đuổi bắt, chỉ còn lại Nguyễn Ánh chạy thoát” (*Dòng nước ngọt trên biển*).

Những địa điểm cụ thể về hành trình Nguyễn Ánh bị truy đuổi: vượt biển đến Vũng Tàu ở Gành Rái, đến sông Đăng, tới Định Tường, chạy đến Trà Sơn (Long Xuyên), từ Vàm Nao định ra biển, vào Hà Tiên, ở Khoa Giang định ra biển, ở cảng biển Ma Ly, ra đảo Côn Lôn, ở vàm sông

Ông Đốc..., là những địa thế hiểm trở: trên núi, cửa sông, cảng biển...

b. Tình tiết thứ hai đóng vai trò chủ đạo của cốt truyện đó là việc cứu giúp được thực hiện thông qua các con vật hoặc hiện tượng có tính chất linh thiêng, với môtip *vật linh, điềm lạ*, có những chi tiết biến đổi mang ý nghĩa dị bản. Như về *cá sấu cản thuyền, cá Ông cứu thuyền*, hay *rái cá cản thuyền* với những chi tiết khác nhau làm tăng mức độ kịch tính của sự việc:

-“Cá sấu chặn ngang trước thuyền ba lần” (*Sông Khoa Giang*);

-“Bỗng từ dưới nước nổi lên một cặp cá ông kẹp hai bên mạn chiếc thuyền, đưa lưng đỡ và diu thuyền vào đến đất bình an” (*Những chuyện lạ về cá Ông*);

-“Hai con rái cá lội qua rạch đón trước mũi thuyền như muốn cản đường” (*Cá sấu và rái cá cứu chúa tôi Nguyễn Ánh*).

Về chi tiết *nước ngọt trên biển* đã có sự khác biệt giữa các loại văn bản. Trong văn bản sử, nước ngọt xuất hiện ở “cửa biển Ma Ly, khi lênh dênh trên biển 7 ngày”, còn ở bản kể sưu tầm ở An Giang thì không nói rõ địa điểm là “Phú Quốc, Núi Cấm hay Xiêm La”: trong lúc xuống thuyền để trốn, “hoàng hậu khát nước”, Nguyễn Ánh đã “giương grom chỉ lên trời, sau đó grom vạch xuống nước thì giữa biển có dòng nước ngọt”; đến bản kể ghi chép ở Châu Đốc đã biến đổi chi tiết: nơi “xuất hiện một dòng nước ngọt” là “ờ bờ biển” Phú Quốc⁽⁷⁾...

Nhìn chung, những “thể lực” trợ giúp ở đây bao gồm: loài vật thiêng (cá sấu, rắn biển, cá, chim...), các hiện tượng thiên nhiên kì lạ (giông bão, nước ngọt trên biển...). Việc cứu giúp diễn ra trên mọi địa hình: trên núi, trên bộ, dưới sông, dưới biển; ý nghĩa các tín hiệu cũng đa dạng: báo

tin thuận lợi, cảnh báo nguy hiểm, hoặc cứu nạn, hành động trợ giúp mang tính thực thi nhiệm vụ, với kết quả là sự thắng lợi của nhân vật, có khi cả sự thất bại của đối phương... Như vậy, trong lúc nguy nan nhất, Nguyễn Ánh đã có sự trợ giúp tích cực và đặc lực của những yếu tố siêu nhiên, thể hiện như những yếu tố văn hóa được cảm nhận từ tâm thức con người. Những tình tiết vật linh, điềm lạ đóng vai trò là những môtip xây dựng cốt truyện.

Các hình ảnh vật linh, điềm lạ xuất hiện trong truyện kể liên quan đến những biểu tượng văn hóa Nam Bộ, Việt Nam và thế giới, đó là chim: với ý nghĩa điềm trời hay thông điệp của trời; cá sấu: chủ tể của nước, biểu thị sức mạnh; rắn: thần chủ của nước; cá: biểu tượng của sự sống, vận may, báo điềm lành. Đặc biệt, các biểu tượng chim, cá, rắn, cây hợp lại thành hệ thống biểu tượng mang ý nghĩa báo điềm, biến nguy thành an.

Bên cạnh đó, cá voi mang ý nghĩa vị thần biển, với sức mạnh linh thiêng, độ mạng (cũng như một số con vật như cá sấu, rùa, là biểu tượng “vật đỡ thế giới”). Không gian sông nước thể hiện sức mạnh có tính đối lập, có khi sông nước là điềm báo (thể hiện trong truyện *Sự tích Trảo Trảo phu nhân*, với ý nghĩa về quyền năng thần bí trong mối liên hệ với mưu đồ chính trị của con người). Mây mù cũng là công cụ của sự hiển thánh, linh cảm về điềm báo. Nguồn nước, mạch nước có ý nghĩa là nguồn chảy, biểu tượng của sự sống, nguồn sống⁽⁸⁾. Con số 3 trong tâm thức người Việt cũng có ý nghĩa quy ước, là con số nhiều, thử thách tận cùng, “quá tam ba bận”.

Hình ảnh rái cá xuất hiện trong một số truyện về Nguyễn Ánh ở Nam Bộ có sự tương ứng với truyện kể *Tục hát Châu phé ở hai thôn Dương Thiện và Vinh Quang ở*

miền Trung: trên đường trốn chạy cuộc truy đuổi qua cửa Thị Nại để ra khơi, Nguyễn Ánh ngửa mặt lên trời khẩn cầu, bỗng “có một con rái cá xuất hiện vừa bơi vừa khịt khịt trước mũi thuyền” như muốn dẫn đường giúp đoàn tùy tùng của Nguyễn Ánh đến làng ẩn náu; hay *Sự tích miếu Bà Trang* kể: trong lúc nguy cấp, đàn rái cá bơi đến và “đi thuyền sang sông” cứu thoát nạn. Sự xuất hiện lặp lại của nó có thể giải thích bằng việc đặt nó trong một mối liên hệ nhất định. Hình ảnh rái cá đã từng xuất hiện trong truyền thuyết xa xưa về Đinh Tiên Hoàng (vùng Hoa Lư, Bắc Bộ)⁽⁹⁾ nhằm thần kì hóa gốc tích nhân vật người anh hùng, còn ở đây, yếu tố thần kì mang ý nghĩa vật thiêng trợ giúp (vai trò tác nhân có khác biệt). Hình ảnh này thực ra không mang ý nghĩa tâm linh đối với cư dân ven biển Nam Bộ, do đó, ý nghĩa vật thiêng có khả năng là sự giao nối ý nghĩa từ truyện kể dân gian miền khác, và lần tìm sâu xa hơn trong tâm thức văn hóa chung, rái cá với đặc tính “ẩn hiện ở mặt nước” có thể ẩn chứa những điều linh thiêng, được dùng biểu đạt ý nghĩa về sự linh ứng.

Trong truyền thuyết dân gian người Việt, những biểu tượng núi, đá, cây, sông nước... có sự xuất hiện lặp lại (*Thánh Gióng, Sự tích ở Cổ Loa, Man Nương, Quốc sư xây đền Sóc Thiên Vương...*), sự xuất hiện có tính hệ thống của các biểu tượng này cho thấy những cảm thức văn hóa riêng của người Việt trong sự biểu đạt chiều sâu những kí ức về lịch sử, mặt khác là những biểu tượng thể hiện cảm ứng của thiên nhiên đối với vận mệnh con người nên để lại ấn tượng sâu sắc.

Ý nghĩa liên quan đến hệ thống biểu tượng văn hóa trong truyện về Nguyễn Ánh tập trung nhất là những truyện về vật linh, điềm báo trợ giúp, cho thấy, đây không phải

là điều trùng hợp ngẫu nhiên, những truyện kể được sáng tạo đã chứa đựng những hình tượng có ý nghĩa chuyển tải sâu rộng, tạo nên những ấn tượng về nhân vật, sự kiện. Có thể những câu chuyện bắt nguồn từ sự ao ước, kì vọng vào một sự trợ giúp thần kì trong những cảnh ngộ bế tắc, cùng đường, cũng có thể là niềm tin trên cơ sở những ý niệm về một “chân mệnh đế vương” trong quan niệm xưa nay của các “thần tử” (và đã được sử dụng như chiến thuật tâm lí). Các câu chuyện được kể như những sự việc kì lạ, ẩn chứa những huyền cơ. Việc lan truyền rộng rãi nguồn truyện trong dân chúng cho thấy nguyên nhân cũng là kết quả của những tác động thực tế đó. Ngay đến nhà biên khảo có khi cũng không khỏi băn khoăn về tính xác thực của truyện kể đã ghi chép, như tác giả Vương Hồng Sển đã viết trong *Tự vị tiếng Việt miền Nam*: “Phải chăng có vận số hay chuyện sáu ngón mũi thuyền là bịa?”.

c. Tình tiết thứ ba là những dấu tích lưu lại, có ý nghĩa như yếu tố xác nhận gốc tích của câu chuyện. Đây chính là tình tiết trong các bản kể lưu hành trong dân gian, chỗ khác biệt với văn bản ghi chép mang phong cách sử biên niên. Thử đối chiếu một đoạn kể ghi trong *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn (Tập 6, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1992): “...Thế tổ Cao hoàng đế tránh quân Tây Sơn, nán thuyền ở Khoa Giang, đến đêm toan ra biển, bỗng có cá sấu chặn ngang trước ba lần, thuyền bèn đổi lại, sau dò ra thì đường trước có thuyền tuần tiễu của giặc, bèn dời đến hòn Thổ Châu”.

Với bản kể của mục *Những chuyện tích xưa ở Bạc Liêu*: “Đoàn chiến thuyền đang dong ruổi trên sông Ông Đốc thì bỗng có một đàn cá sấu nổi lên đặc nghệt cản đường. Thuyền chúa Nguyễn không làm

sao vượt qua được. Thấy sự lạ cho là điềm xấu, Nguyễn vương đứng trước mũi soái thuyền lâm râm khẩn vái: - Tôi là Nguyễn Anh (...).

(...) Về sau phục được cơ nghiệp, Gia Long không quên ơn những giống vật đã cứu mình trong lúc hiểm nghèo, phong cho đàn cá sấu mũ danh là Tân Ngạc Ngư Long” (Huỳnh Minh, *Bạc Liêu xưa*, sdd).

Có thể thấy, bản kể đầu chú trọng yếu tố sử, chất dân gian chỉ được giữ ở tình tiết cốt lõi nhằm phục vụ cho việc khắc họa nhân vật lịch sử (tức đã có sự cắt sửa theo khuôn mẫu văn bản sử, do đó, nếu dẫn lại văn bản này thì chưa phải là một bản kể hoàn chỉnh, mới là những cốt kể), trong khi bản kể lưu hành trong dân chúng được phát triển mạch tình tiết (có dấu hiệu mô típ) chứa đựng những sắc thái ý nghĩa mới, đậm chất dân gian.

Về ý nghĩa cụ thể, đây là tình tiết kể về sự tri ân, báo đáp của nhân vật bằng cách đặt tên con vật để ghi nhớ hoặc sắc phong, ban lệnh thờ cúng, hoặc qua sự việc người dân ghi nhớ đặt tên, lập nơi thờ tự, tạo nên những địa danh, chứng tích văn hóa ở địa phương. Việc đặt tên, phong tước hiệu, cho thờ phụng loài cá linh thiêng hay sắc tứ các chùa chiền... cũng đưa đến ý nghĩa văn hóa ở các truyện kể.

Có thể các truyện về nhóm vật linh đã tạo nên điển tích “gặp rắn thì đi, gặp quy thì về”; “kì đà cản mũi” và có thể ngược lại, điển tích là cái có trước, là cơ sở cho việc thêu dệt nên câu chuyện. Chi tiết tên loài cá Linh cũng cho thấy tính chất thêu dệt, một loài cá quen thuộc đến từ vùng biển hồ Tonlé Sap theo mùa nước đã ngẫu nhiên mang tên gọi linh thiêng gắn với dấu tích của một vị chúa đang cơn bĩ cực. Chuyện đặt tên loài cá cứu nạn đói, tìm thấy nước

ngọt giải nạn khát, còn có ở nhiều nơi trong hành trình bôn tẩu vào Nam của các chúa Nguyễn. Truyện *Sự tích cá Cơm và bãi Xuân Đùm* kể về dấu tích trốn chạy của Nguyễn Ánh trên vùng biển Vạn Ninh, Khánh Hòa có chi tiết thực tế hơn: đoàn thuyền tàn quân đói khát nhiều ngày, gió biển thổi vào, từng đàn cá dày đặc trên mặt nước, Nguyễn Ánh ra lệnh vớt đem phơi khô làm lương thực dự trữ khi không kiếm đâu ra gạo, vì thế quan quân gọi loại cá này là cá Cơm; về nước uống, vương cho quân sĩ đến bãi Xuân Đùm, đào sâu xuống thì có nước ngọt như trên đất liền. Như vậy, sự xuất hiện của các hình ảnh đều mang ý nghĩa mô típ *sự trợ giúp* rất cấp thiết cho nhân vật, có mặt trong khá nhiều truyện kể.

Việc sắc phong cũng được tô đậm, lại được kết nối với tập tục thờ cúng, lễ hội, như *Những chuyện lạ về cá Ông* kể, Gia Long “phong cho cá voi là Nam Hải cự Tộc Ngọc Lân Thượng đẳng thần” và “lệnh xây cất một đình thần để thờ phụng cá Ông”. Việc phong tước hiệu thần cho vật thiêng xuất phát từ ý niệm thiên tử phong bách thần, tính chất sự việc là nhằm thêu dệt công tích thần kì để tôn vinh chủ thể của nó sánh ngang thần thánh. Ở đây, việc sắc phong cá Ông tạo nên sức mạnh tâm linh qua sự nối kết với hiện tượng tín ngưỡng truyền thống của cư dân làng biển. Đây là một dụng ý sâu xa của chúa Nguyễn, như nhà nghiên cứu Huỳnh Ngọc Trảng nhận định, thực chất “Truyện thuyết cá Ông cứu chúa Nguyễn và được Gia Long sắc phong chỉ nhằm mục đích xác tín về vương mệnh của Nguyễn Ánh”⁽¹⁰⁾.

3. Một số căn cứ bàn luận

Tựu trung, việc sáng tạo nên những mẩu truyện về vật linh, điềm lạ không nằm ngoài ý đồ của nhà Nguyễn. Đây có lẽ chính là mục đích của việc thêu dệt những

câu chuyện tán dương chúa thánh: để chứng minh chuyện “trời sắp sinh ra thánh nhân để khai sáng nghiệp lớn”, các “bề tôi” đã đưa vào ý tưởng “sông núi giúp linh, loài sấu theo bảo vệ”, “có quỷ thần hỗ trợ ngăn cấm những việc chẳng lành”, lại đem so với việc “Hán Cao Tổ được trận gió lớn ở sông Tuy Thủy, Hán Quang Vũ được nước đóng băng ở sông Hồ Đà” như một sự “hô ứng” rất diệu kì, đến cả việc trải qua nạn tai cũng cho là do sự sắp đặt của thiên cơ “đưa đến chỗ nguy mà ban phước, cho gặp khó mà bảo toàn”, tác giả *Gia Định thành thông chí* cũng không bỏ qua cả việc tạo luồng dư luận từ đối phương: “Trời cao đang giúp nên thánh thượng gặp được những báo ứng rất thần kì. Việc ấy cũng được truyền bá bởi bia miệng quân Tây Sơn”⁽¹¹⁾.

Ngoài ra, lại có thêm những chi tiết minh chứng, như đoạn kể bà Quốc mẫu nghe Nguyễn Ánh thuật lại tình trạng khổ sở khi vượt biển, đã nói: “Con đi khắp chân trời mặt biển, nhiều lúc gian nan, nhưng ở núi thời gặp gió lớn, ở biển thời gặp nước ngọt, coi đó cũng đủ biết ý trời”. Đồng thời, “bề tôi” sử thần cũng nêu ý kiến trực tiếp: “Ngài tuy còn dưỡng hoi (chịu ở một nơi mà đợi thời vận), mà gió núi, nước ngọt, ứng nhiều điềm tốt, thức giả ai cũng biết có mạng làm vua”⁽¹²⁾.

Tuy nhiên, ở đây cũng có những dấu ấn riêng từ các ý niệm được chọn lựa, như tác giả Tạ Chí Đại Trường đã nhận xét: “trong biển cô, chúa tôi Nguyễn chỉ tiếp xúc với quyền lực siêu nhiên qua những xác thân, sự vật cụ thể tuy có vẻ tầm thường mà không thể coi thường được: nước ngọt giữa biển, cây ngã chặn đường quân giặc, rái cá “báo” có địch quân... Họ đã tiếp nhận sự trợ giúp chúa những “thần linh” trên vùng đất nổi bật tính đa dạng, uồn nắn con người phải theo”⁽¹³⁾.

Trong đó, như đã nói, hình ảnh cá Ông có dấu ấn nổi trội. Thử đặt mối liên hệ của hình ảnh này với chuỗi truyện về chúa Nguyễn Hoàng ở vùng Trung Bộ với hình ảnh cô gái áo xanh (sách *Quốc triều sử toát yếu* ghi là “người đàn bà áo xanh”) ở Ái Tử (Quảng Trị), được coi là một hoá thân của Mẫu Thượng Ngàn; hay bà Trời áo đỏ ở Thiên Mục (Huế), với ý nghĩa sự quan tâm, trợ giúp của thế lực siêu nhiên. Đây là những mẫu thần linh có dấu ấn sâu đậm trong tâm thức cư dân Thuận Hoá, gợi ý tưởng về một vị “chân Chúa” cai quản lãnh địa mới của con người. Dụng ý này nói như nhận xét của Taylor: “Các giai thoại ghi lại sự gặp gỡ giữa Nguyễn Hoàng với thần linh địa phương và thiết lập nơi thờ cúng gợi cho thấy việc áp dụng một phương thức đặc biệt Việt Nam trong sự thiết lập một địa điểm mới của quyền lực hợp pháp, lần đầu tiên ở vùng đất mới phương Nam” (Taylor, Keith W., 2000, 179)⁽¹⁴⁾. Với cư dân vùng sông nước phương Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng, một trong những đối tượng quyền năng nhất chính là vị thần linh độ mạng trên biển cả, khung không gian cho sự kết nối ý tưởng về vật thiêng là thực tế chiến trường giao tranh với Tây Sơn, tạo cơ sở cho sự tích hợp hình ảnh vào nhóm truyện. Còn lại là sự thâm dật, huyền truyền, bởi như các nhà nghiên cứu đã xác nhận: “Ở Nam Bộ, miếu thờ cá Ông có sắc phong đều ghi niên hiệu Thiệu Trị và Tự Đức”, “trong thực tế chưa thấy sắc phong cá ông nào được phong vào thời vua Gia Long”⁽¹⁵⁾.

Ở giai đoạn khởi đầu của một vương triều, thường có những câu chuyện truyền tụng có tính chất thần kì như dọn đường cho sự xuất hiện một nhân tố mới với sức mạnh của chính khí (hình thức sấm truyền, sấm kí nằm trong ý đồ này). Những truyện kể về “vật linh, điềm lạ” đặc biệt ứng

nhận được dân gian truyền tụng rộng rãi (các nhà sưu khảo đã ghi chép), hiệu ứng của nó có thể thấy đã phát huy tác dụng nhất định đối với sự nghiệp của nhà Nguyễn ở Nam Bộ. □

L.T.D.H

Chú thích

- (1) Cao Tự Thanh (2007), *Lịch sử Gia Định - Sài Gòn trước 1802*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn.
- (2) Vương Hồng Sển (1993), *Tự vị tiếng Việt miền Nam*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
- (3) Nguyễn Xuân Nhân (1998), *Văn học dân gian Tây Sơn*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- (4) Nguyễn Liên Phong, xuất bản Phát Toàn, 1909.
- (5) Dẫn theo: Nguyễn Hữu Hiệp (2008), “Một số dấu ấn và giai thoại về Nguyễn Ánh trên vùng đất phương Nam”, trong *Kỷ yếu Hội thảo Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX* do UBND Tỉnh Thanh Hoá tổ chức, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- (6) Trương Thanh Hùng (2008), *Văn hóa dân gian đảo Phú Quốc*, Nxb. Phương Đông,
- (7) Nguyễn Ngọc Quang chủ biên (2010), *Văn học dân gian Châu Đốc*, Nxb. Dân trí.
- (8) Xem: Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (1997), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb. Đà Nẵng.
- (9) Kiều Thu Hoạch (2004), *Tinh tuyển văn học Việt Nam*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- (10) Huỳnh Ngọc Trảng chủ biên (2003), *Sổ tay hành hương đất phương Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
- (11) Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- (12) Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Quốc triều sử toát yếu*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- (13) Tạ Chí Đại Trường (2006), *Thần, người và đất Việt*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
- (14) Dẫn theo: Trần Đình Hằng (2008), *Từ Cô Gái áo xanh ở Ái Tử (Quảng Trị) đến Bà Trời áo đỏ ở Thiên Mục (Huế): sinh lộ tư tưởng của vùng đất mới Nam Hà*, trong *Kỷ yếu Hội thảo Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX*, sdd.
- (15) Huỳnh Ngọc Trảng (2003), sdd.